

Bản án số: 23/2020/DS-ST  
Ngày: 24/12/2020  
“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Đỗ Thị Lành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vi Thị Ty
2. Bà Võ Thị Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 22/6/2020 về việc **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 05/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST - DS ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là *Ngân hàng*);

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai. Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. (*Văn bản ủy quyền số 198/NHNoKBĐGL-TH ngày 12/6/2020*).

- Bị đơn: + Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990;

+ Chị Trần Thanh T, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

*Ông B có mặt; anh N và chị T vắng tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đỗ Thanh Bình trình bày:

Ngày 09/11/2016, anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 5227/HĐTD ngày 09/11/2016 được ký kết giữa Agribank chi nhánh huyện K, Đông Gia Lai và bên vay anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T với số tiền là 80.000.000 đồng, anh Nguyễn và chị Thảo đã nhận nợ 60.000.000 đồng với mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi 01 con bò thịt và chi phí chuồng trại, thuốc men. Cụ thể theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01/GNN ngày 12/11/2016, anh Nguyễn và chị Thảo nhận nợ số tiền 50. 000 .000 đồng với lãi suất cho vay là 0.8166%/tháng (bằng 9.80 %/năm), lãi suất nợ quá hạn là 1.225%/tháng (bằng 14.70%/năm). Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/11/2017 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 02/GNN ngày 15/12/2016, anh N và chị T nhận nợ số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 0.8416%/tháng (bằng 10.10 %/năm), lãi suất nợ quá hạn là 1.262%/tháng (bằng 15.15%/năm). Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/12/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T đã viết giấy cam kết giao tài sản là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 753954 ngày 27/10/2016 của Sở tài nguyên & môi trường tỉnh Gia Lai đứng tên Nguyễn Văn N, tại thôn 2, xã Đăk Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời gian vay vốn, anh N và chị T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng anh Nguyễn và chị Thảo vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 15/6/2020, anh Nguyễn và chị Thảo còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 86.687.653 đồng (*tám mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 18.968.861 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 7.718.792 đồng.

Tại bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu anh N và chị T còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 16/6/2020 đến hết ngày 24/12/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là 3.152.000 đồng và 1.576.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T phải trả thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai là 91.415.653 đồng (*chín mươi một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 22.120.861 đồng và nợ lãi quá hạn là 9.294.792 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 24/12/2020*) và số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 25/12/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã triệu tập

anh N, chị T đến Tòa án để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng anh Nguyễn, chị Thảo cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N, chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh Nguyễn, chị Thảo không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119 Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Nguyên và chị Trần Thanh Thảo phải trả cho Ngân hàng số tiền là 91.415.653 đồng (*chín mươi một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 22.120.861 đồng và nợ lãi quá hạn là 9.294.792 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 24/12/2020*) và số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 25/12/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T có địa chỉ tại Thôn 2 xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Nguyễn, chị Thảo vẫn cư trú tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc, nên Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định để triệu tập anh N và chị T đến Tòa án làm việc nhưng anh N và chị T cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01/GNN ngày 12/11/2016 và số 02/GNN ngày 15/12/2016, anh Nguyễn và chị Thảo nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng. Xét Hợp đồng tín dụng số: 5227/HĐTD ngày 09/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K, Đông Gia Lai và bên vay anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T với số tiền là 80.000.000 đồng, anh N và chị T đã nhận nợ 60.000.000 đồng thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi được giải ngân số tiền 60.000.000 đồng thì anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở việc trả nợ. Anh N chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N - chị T có tình trốn tránh, không hợp tác làm việc luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh N chị T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc nhiên thừa nhận anh N-chị T ch. Vì vậy, cần buộc anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai tổng số tiền là 91.415.653 đồng (*chín mươi một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 22.120.861 đồng và nợ lãi quá hạn là 9.294.792 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 24/12/2020*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $91.415.653 \text{ đồng} \times 5\% = 4.570.783 \text{ đồng}$  (*bốn triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng*).

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119 Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai tổng số tiền là 91.415.653 đồng (*chín mươi một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 22.120.861 đồng và nợ lãi quá hạn là 9.294.792 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 24/12/2020*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T phải chịu 4.570.783 đồng (*bốn triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.166.950 đồng (*hai triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003426 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 24/12/2020*), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lành**



